

ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN XÃ HỘI ĐẾN KHẢ NĂNG THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH DÂN TỘC DAO Ở TỈNH THANH HÓA, VIỆT NAM

Nguyễn Thị Duyên

Tóm tắt: Bài viết phân tích ảnh hưởng của vốn xã hội đến khả năng thoát nghèo bền vững của hộ gia đình dân tộc Dao tại tỉnh Thanh Hóa hiện nay. Bài viết nghiên cứu thực trạng vốn xã hội, ảnh hưởng của vốn xã hội đến khả năng thoát nghèo. Nghiên cứu chỉ ra các mối quan hệ xã hội, mạng lưới hỗ trợ và sự tin tưởng lẫn nhau trong cộng đồng giúp các hộ gia đình tiếp cận thông tin, nguồn lực và cơ hội phát triển kinh tế. Vốn xã hội không chỉ hỗ trợ trực tiếp thông qua việc chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và nguồn lực mà còn gián tiếp tác động đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ, tín dụng và thị trường. Tuy nhiên, vốn xã hội cũng có thể tạo ra những bất bình đẳng khi một số hộ gia đình có lợi thế hơn trong việc tiếp cận và sử dụng các nguồn lực xã hội. Do đó, cần có các chính sách hỗ trợ để tăng cường vốn xã hội cho các hộ gia đình yếu thế, đảm bảo mọi người đều có cơ hội bình đẳng trong việc thoát nghèo bền vững.

Từ khóa: Hộ gia đình người Dao; Thanh Hóa; Thoát nghèo bền vững; Vốn xã hội.

Đặt vấn đề

Công tác giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Để tăng thu nhập, giảm tỷ lệ nghèo và tăng khả năng tiếp cận với dịch vụ cơ bản đối với các DTTS, Chính phủ đã thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và nhiều chương trình, dự án nhằm hỗ trợ cho đồng bào DTTS đã và đang được thực hiện như: Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 12/NQ-CP về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019.... Nhằm hỗ trợ đồng bào DTTS, đặc biệt là dân tộc Dao ở Thanh Hóa, nhiều chương trình và chính sách đã được triển khai. Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII, giảm nghèo nhanh và bền vững là chương trình trọng

tâm. Mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều của tỉnh thấp hơn mức bình quân chung cả nước.

Trong bối cảnh các chính sách giảm nghèo đang được triển khai mạnh mẽ tại Việt Nam, việc tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thoát nghèo bền vững của các nhóm dân tộc thiểu số là rất cần thiết. Đối với cộng đồng dân tộc Dao ở tỉnh Thanh Hóa, vốn xã hội được xem là một trong những yếu tố quan trọng có thể tác động đáng kể đến quá trình này. Tuy nhiên, vốn xã hội không chỉ đơn thuần là các mối quan hệ xã hội mà còn bao gồm các yếu tố như lòng tin, sự hỗ trợ lẫn nhau, các chuẩn mực và giá trị chung trong cộng đồng. Vậy vốn xã hội có tác động như thế nào đến khả năng thoát nghèo bền vững của các hộ gia đình dân tộc Dao ở Thanh Hóa? Liệu vốn xã hội có thể giúp họ vượt qua những rào cản về kinh tế, xã hội và văn hóa để thoát nghèo và duy trì cuộc sống ổn định hơn.

Hiện nay, Thanh Hóa có khoảng 6.894 người Dao thuộc 2 nhóm: Dao Quần Chẹt và Dao Đỏ, tập trung chủ yếu ở huyện Ngọc Lặc và Cẩm Thủy. Cộng đồng người Dao ở huyện Ngọc Lặc và huyện Cẩm Thủy thuộc nhóm Dao Quần Chẹt sinh sống phổ biến nhất là họ Bàn, Triệu, Đặng. Các dòng họ, chi có gia phả riêng và có hệ thống tên đệm để phân biệt với các tầng lớp của các thế hệ khác nhau. Bài viết này sẽ đi sâu phân tích thực trạng nguồn vốn xã hội của hộ gia đình dân tộc Dao, đồng thời phân tích ảnh hưởng của vốn xã hội đến khả năng thoát nghèo bền vững của hộ gia đình dân tộc Dao tại Thanh Hóa. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường và phát huy hiệu quả của vốn xã hội trong cộng đồng dân tộc Dao ở Thanh Hóa.

1. Tổng quan nghiên cứu

David Lawson, Andrew McKay và John Okid (2008) đã chỉ ra có hai yếu tố ảnh hưởng đến nghèo dai dẳng và nghèo ngắn hạn của các hộ gia đình ở đây là thiếu vốn tài chính, vốn tự nhiên (vùng khó khăn) và vốn xã hội, trong đó sự hạn chế về giáo dục là yếu tố quan trọng. Nhóm tác giả đã sử dụng các phương pháp tiếp cận như phân tích mô tả đặc điểm của hộ gia đình ở các thời điểm khác nhau nhằm tìm ra sự thay đổi tình trạng nghèo đói và phương pháp tiếp cận dựa trên khung sinh kế nhằm tìm ra các yếu tố mà mô tả định lượng không xác định được (Chambers, R. và Conway, G.R, 1992).

Nghiên cứu về các chính sách phát triển miền núi ở Việt Nam chỉ ra cần đa dạng hóa sang các cơ hội việc làm phi nông nghiệp, đặc biệt trong những lĩnh vực có thể tiếp cận với các thành phố lớn hoặc thị trường quốc tế, và đồng thời các chiến lược giảm nghèo của người dân tộc thiểu số được thực hiện theo một loạt các bước từ chuyên môn hóa tới đa dạng hóa nông nghiệp và tích lũy vốn tài chính, xã hội và văn hóa (Ngân hàng thế giới, 2009).

Oxfam và ActionAid Quốc tế tại Việt Nam (2013), đã chỉ ra các yếu tố tiên phong, lan tỏa, gắn kết cộng đồng, tận dụng lợi thế, thích ứng với điều kiện mới, đa dạng hóa sinh kế, phòng chống rủi ro và quản trị địa phương. Các yếu tố này có mức độ thành công khác nhau ở từng cộng đồng dân tộc thiểu số, dẫn đến kết quả giảm nghèo và cải thiện đời sống khác nhau.

Các nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã đề cập đến vai trò của vốn xã hội, ảnh hưởng của vốn xã hội của các cộng đồng dân tộc thiểu số đến khả năng thoát nghèo, từ đó đề cập các biện pháp chính sách hỗ trợ nâng cao nguồn vốn con người nhằm hỗ trợ hộ gia đình dân tộc thiểu số thoát nghèo bền vững.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết phân tích kết quả nghiên cứu định lượng của đề tài: Huy động nguồn lực cộng đồng hỗ trợ hộ gia đình dân tộc Dao ở tỉnh Thanh Hóa thoát nghèo bền vững. Quy trình khảo sát được thực hiện như sau: Lập danh sách toàn bộ hộ gia đình người Dao đang sinh sống trên địa bàn huyện Ngọc Lặc (xã Phùng Giáo), huyện Cẩm Thủy (xã Cẩm Châu). Trên cơ sở danh sách các hộ gia đình người Dao ở xã Phùng Giáo và xã Cẩm Châu, tổng số hộ gia đình người Dao đang sinh sống ở đơn vị mẫu là 459 hộ (trong đó xã Phùng Giáo: 105 hộ, xã Cẩm Châu: 354 hộ), chọn mẫu theo khoảng cách 2 hộ chọn 1 hộ, lấy một lần là đủ số mẫu phỏng vấn. Kết quả nhóm tác giả đã phỏng vấn 200 đại diện hộ gia đình dân tộc Dao bằng bảng câu hỏi, bao gồm cả nam và nữ trong độ tuổi lao động để đo lường các dữ kiện xã hội.

Khả năng thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Dao ở tỉnh Thanh Hóa chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau như đặc điểm nhân khẩu xã hội, nguồn vốn vật chất, tài nguyên thiên nhiên của hộ và cộng đồng. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả giới hạn tìm hiểu ảnh hưởng của nguồn vốn xã hội, đây là nhân tố quan trọng, chi phối quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm, đa

dạng hóa nguồn thu nhập của hộ gia đình dân tộc Dao. Vốn xã hội được hiểu là mạng lưới xã hội, quan hệ xã hội và nguồn vốn xã hội tạo ra thông qua việc đầu tư vào các quan hệ xã hội của hộ để nâng cao năng lực thoát nghèo.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng nguồn vốn xã hội của hộ gia đình dân tộc Dao

BẢNG 1. NHẬN ĐỊNH CỦA HỘ GIA ĐÌNH DÂN TỘC DAO VỀ MỐI QUAN HỆ CỦA HỘ VỚI CÁC CHỦ THỂ KHÁC NHAU

Các mối quan hệ	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
Chính quyền địa phương	1,00	5,00	4,40	1,42527	1
Hội nông dân	1,00	5,00	2,60	1,42354	6
Hội phụ nữ	1,00	5,00	3,29	1,23463	4
Đoàn thanh niên	1,00	5,00	2,70	1,11350	5
Họ hàng	1,00	5,00	3,44	1,52332	3
Bạn bè	1,00	5,00	3,59	1,13186	2

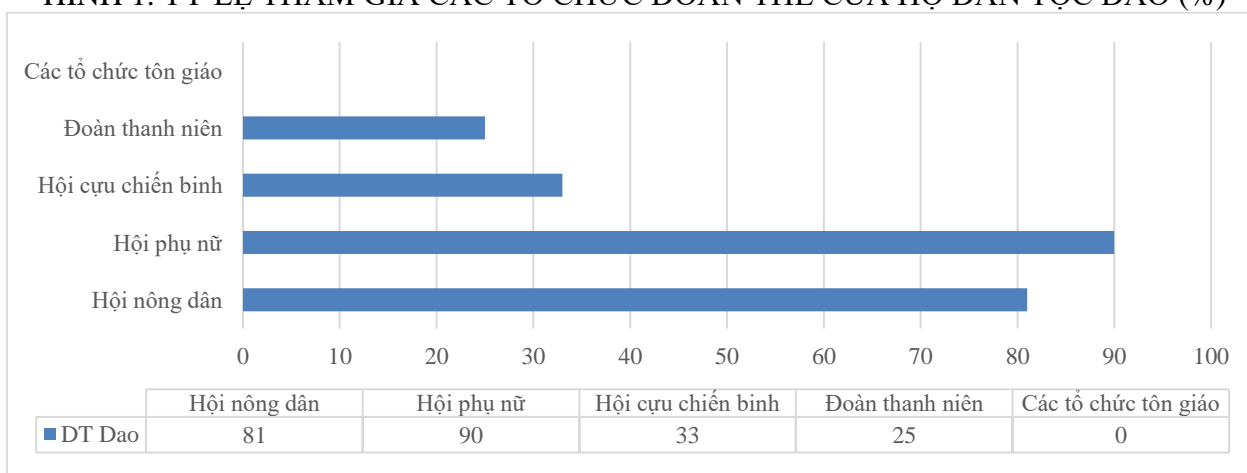
Nguồn: Kết quả khảo sát, phân tích số liệu của đề tài.

Bảng 1 trình bày nhận định của hộ gia đình dân tộc Dao về mối quan hệ của họ với các chủ thể khác nhau, thang điểm từ 1-5 với mức độ tốt tăng dần. Kết quả cho thấy, nhóm nhân tố có mối quan hệ tốt của hộ dân tộc Dao bao gồm chính quyền địa phương (4,40), ở mức tốt, những nhóm nhân tố ở mức khá: quan hệ với họ hàng (3,44),

Vốn xã hội thể hiện mối quan hệ của hộ gia đình dân tộc Dao và cộng đồng được thể hiện thông qua các mối quan hệ trong sản xuất, gắn kết anh em, dòng họ; Uy tín của hộ, mối quan hệ của hộ trong sản xuất và ngoài xã hội... Khi hộ gia đình có mối quan hệ gia đình, gắn kết cộng đồng tốt, mạng lưới xã hội rộng và chặt, có tinh thần ham học hỏi và tiếp cận cái mới thì hộ có nhiều cơ hội nâng cao khả năng thoát nghèo bền vững.

quan hệ với bạn bè, quan hệ với hội phụ nữ (3,29), những nhân tố khác có ảnh hưởng ở mức độ thấp hơn đến năng lực thoát nghèo của hộ. Vốn xã hội của người dân hạn chế sẽ ảnh hưởng đến năng lực học hỏi, tiếp thu những kinh nghiệm sản xuất, tiếp cận các nguồn vốn, tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm... và do đó, có mối quan hệ và tác động trực tiếp đến khả năng thoát nghèo của hộ.

HÌNH 1. TỶ LỆ THAM GIA CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ CỦA HỘ DÂN TỘC DAO (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài.

Có hai hội đoàn mà hộ dân tộc Dao tham gia với tỷ lệ nhiều nhất là: hội phụ nữ (90,0%), hội nông dân (81,0%), các tổ chức khác cũng chiếm một tỷ lệ nhất định. Thực tế, hội phụ nữ đã có rất nhiều biện pháp giúp đỡ hội viên của mình chia sẻ khó khăn trong cuộc sống, tập huấn nâng cao kiến thức kỹ năng trồng trọt, chăn nuôi. Ngoài ra, hội phụ nữ dân tộc Dao đã thành lập hội cây giúp, gặt giúp những hội viên bị ốm đau, hộ không có lao động; họ có một hình thức huy động vốn giúp đỡ nhau là chơi hội, hội phụ nữ cũng giúp hội viên của mình nâng cao kiến thức kỹ năng, kinh nghiệm để phát triển kinh tế hộ.

Trong xã hội, mỗi cá nhân có mối quan hệ xã hội càng rộng thì càng có nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi để thực hiện các mục đích của mình. Nếu họ được sự quan tâm, giúp đỡ từ nhiều phía thì việc phát huy năng lực thoát nghèo của người dân sẽ dễ dàng hơn. Một bộ phận hộ dân tộc Dao còn nhiều hạn chế, người dân còn thụ động, ỷ lại, trông chờ vào các chính sách chương trình của Nhà nước. Nhiều nông

hộ chưa chủ động tìm kiếm việc làm bên ngoài địa phương, nhiều hộ không chủ động tham gia các lớp tập huấn để nâng cao kiến thức kỹ năng, kinh nghiệm trong trồng trọt, chăn nuôi.

Điểm sáng của hộ dân tộc Dao là nhóm hộ thoát nghèo sử dụng vốn xã hội để đa canh các ngành nghề, tìm thêm những công việc khác tạo thu nhập ngoài nông nghiệp, di cư lao động,... Đó là sự nhạy bén chủ động tìm kiếm thêm những công việc phụ để tạo thu nhập ổn định và trang trải cho các chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Nhìn chung, các hộ đã thoát nghèo và trở nên giàu có đều có vốn xã hội tương đối tốt, họ kết hợp làm nhiều nghề đa dạng hóa nguồn thu nhập và tăng thu nhập cho nông hộ.

3.2. Ảnh hưởng của vốn xã hội đến năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Dao

Vốn xã hội là mối quan hệ của hộ trong sản xuất và trong xã hội, gắn kết cộng đồng, liên kết tộc người, gắn kết anh em, dòng họ, uy tín hộ, mối quan hệ của hộ trong sản xuất và trong xã hội.

BẢNG 2. BẢNG MÔ TẢ CÁC BIẾN SỐ TRONG MÔ HÌNH HỒI QUY

Tên biến	Giải nghĩa	Thang đo	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giải thích các giá trị
Khả năng thoát nghèo	Khả năng vươn lên thoát nghèo, được đo lường dựa trên thu nhập, chi tiêu, tài sản, tiếp cận thị trường, kiến thức và kỹ năng.	0 - 5	0	5	0: Khả năng thoát nghèo rất thấp; 5: Khả năng thoát nghèo rất cao
Mối quan hệ với họ hàng	Mức độ quan trọng của mối quan hệ với họ hàng trong việc hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.	Thang đo Likert 5 điểm	1	5	1: Không quan trọng; 5: Rất quan trọng
Mối quan hệ với bạn bè	Mức độ quan trọng của mối quan hệ với bạn bè trong việc hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.	Thang đo Likert 5 điểm	1	5	1: Không quan trọng; 5: Rất quan trọng
Các tổ chức đoàn thể	Mức độ hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên...) trong việc tiếp cận thị trường.	Thang đo Likert 5 điểm	1	5	1: Không hỗ trợ; 5: Hỗ trợ rất nhiều

Tên biến	Giải nghĩa	Thang đo	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giải thích các giá trị
Hộ đã chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm	Gia đình đã chủ động tìm kiếm thị trường để tiêu thụ sản phẩm.	Thang đo Likert 5 điểm	1	5	1: Hoàn toàn không đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý
Năng lực tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm	Khả năng của hộ gia đình trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, bao gồm khả năng tiếp cận thông tin thị trường, khả năng vận chuyên hàng hóa, và mối quan hệ với các thương lái.	Thang đo Likert 5 điểm	1	5	1: Rất kém; 5: Rất tốt

Sau khi đã xác định và mô tả rõ ràng các biến số sử dụng trong nghiên cứu (Bảng 2), tiếp theo chúng tôi tiến hành phân tích hồi quy đa

biến để đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về vốn xã hội đến khả năng thoát nghèo của hộ dân tộc Dao. Kết quả phân tích được trình bày chi tiết trong Bảng 3 dưới đây.

BẢNG 3. PHÂN TÍCH HỒI QUY NHỮNG NHÂN TỐ THUỘC VỀ VỐN XÃ HỘI VỚI KHẢ NĂNG THOÁT NGHÈO

Biến độc lập	Hệ số hồi quy chưa tiêu chuẩn hoá (B)	Hệ số hồi quy đã chuẩn hoá (Beta)	Giá trị t	Mức ý nghĩa (Sig.)	Nhân tố phóng đại phương sai (VIF)
Hằng số	3,237		3,043	0,000	
Mối quan hệ của hộ với họ hàng	0,043	0,052	0,532	0,632	3,423
Mối quan hệ với bạn bè	-0,143	-0,184	-1,324	0,153	3,432
Các tổ chức đoàn thể (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên...)	0,032	0,057	1,533	0,578	1,422
Hộ đã chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm mình làm ra	0,079	0,075	1,153	0,013	1,109
Năng lực tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm mình làm ra	-0,165	-0,137	-2,110	0,023	1,105
Biến số phụ thuộc: Khả năng thoát nghèo của hộ Dung lượng mẫu: 200 Giá trị F= 1,323 Giá trị Sig. = 0,23, với mức ý nghĩa 95% Giá trị R ² điều chỉnh = 0,59 Giá trị Durbin Watson = 0,075					

Nguồn: Kết quả phân tích số liệu điều tra nghiên cứu đề tài.

Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho giá trị Sig= 0,023, các biến đưa vào mô hình để có độ phóng đại phương sai (VIF) nhỏ hơn nhiều so với 10, cho thấy các biến đưa vào mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số Durbin - Waston của mô hình là 0,75 chứng tỏ mô hình có sự tương quan. Hệ số R² hiệu chỉnh của mô hình là 59%, chứng tỏ mô hình hồi quy những nhân tố ảnh hưởng của năng lực tiếp cận thị trường của nghiên cứu đưa ra là phù hợp.

Có 2 nhân tố không có ý nghĩa thống kê là mối quan hệ với họ hàng (Sig = 0,632>0,05), và các tổ chức đoàn thể: hội cựu chiến binh, hội nông dân, đoàn thanh niên (Sig =0,578>0,05), các nhân tố còn lại của nhóm năng lực tiếp cận thị trường đều có ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của dân tộc Dao.

Năng lực tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm của hộ phụ thuộc rất nhiều vào học vấn, nhóm tuổi, của người lao động trong hộ. Hộ gia đình có nhiều lao động trẻ có xu hướng có sức

khỏe tốt, học vấn cao và có nhiều thuận lợi trong việc tiếp cận những yếu tố bên ngoài, dễ dàng mang hàng hóa của mình làm ra trao đổi với thị trường bên ngoài hơn những nhóm hộ có học vấn thấp, độ tuổi cao (Sig = 0,023<0,05 với mức ý nghĩa 95%, chứng tỏ năng lực tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm có mối tương quan với năng lực thoát nghèo của hộ).

Việc hộ chủ động học hỏi và đầu tư cho năng lực tiếp cận thị trường là một trong những nhân tố quan trọng giúp hộ thoát nghèo. Hộ chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sẽ giải quyết được những bấp bênh và biến đổi của thị trường giá cả, bán được ra nhiều hàng hóa hơn. Do đó, việc chủ động trong mọi khâu sản xuất của hộ sẽ phần nào giúp phòng tránh được những rủi ro trong sản xuất (Sig = 0.13<0,05, với mức ý nghĩa 95%, việc chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm của hộ DTTS có mối tương quan với năng lực thoát nghèo).

BẢNG 4. ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ THỊ TRƯỜNG ĐẾN NĂNG LỰC THOÁT NGHÈO CỦA HỘ GIA ĐÌNH DÂN TỘC DAO

Tiêu chí	Giá trị trung bình	Xếp hạng mức độ ảnh hưởng
Tiếp cận thị trường giúp hộ có thêm kinh nghiệm trong sản xuất trồng trọt	3,76	4
Tiếp cận thị trường giúp hộ có thêm kinh nghiệm chăn nuôi	3,89	1
Hộ đã chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm mình làm ra	3,43	6
Năng lực tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm mình làm ra của hộ	3,74	5
Lập kế hoạch sản xuất và quản lý tài chính của hộ	3,72	3
Chủ động tham gia tích cực các phong trào do địa phương tổ chức	3,88	2
Trung bình chung	3,73	
Kết quả kiểm định phương sai ANOVA sự khác biệt về điểm đánh giá ảnh hưởng của yếu tố chính sách đến nguồn lực con người của hộ dân tộc Dao		
Thống kê F: 4,021		
Mức ý nghĩa thống kê Sig = 0,023 >0,05 cho thấy có sự khác biệt giữa nguồn vốn xã hội giữa các hộ gia đình dân tộc Dao.		

Nguồn: Kết quả phân tích số liệu điều tra nghiên cứu của đề tài.

Các hộ gia đình cũng được hỏi về nhận định của họ về năng lực tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm của chính mình (Bảng 4). Kết quả cho thấy nhìn chung, các hộ đánh giá ở mức trung bình khá về năng lực tiếp cận thị trường của mình (3,73), điều này cho thấy mặt bằng chung về vốn xã hội của dân tộc Dao tốt hơn so với các dân tộc khác. Đây là điều kiện thuận lợi, là ưu điểm giúp hộ có thêm nguồn lực trong việc phát huy năng lực thoát nghèo.

Hộ dân tộc Dao có các mối quan hệ xã hội, tình làng, nghĩa xóm rất mật thiết, phong trào tương trợ, luôn được phát huy, tinh thần dân chủ trong các cộng đồng cũng đầy mạnh, qua đó có khả năng hợp tác, hỗ trợ nhau trong cuộc sống cũng như trong sản xuất. Các hộ cùng nhau chia sẻ thông tin, vận động, tuyên truyền các quy ước văn minh, đồng thời loại bỏ hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Tuy nhiên, mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội của hộ nghèo còn thấp, sự hỗ trợ của chính quyền các cấp và chính quyền địa phương mới chủ yếu tập chung vào lĩnh vực như cung cấp thông tin, thiếu hỗ trợ về kỹ thuật, trong khi đó nhu cầu của hộ như hướng dẫn kỹ thuật, thông tin tiếp cận thị trường ... lại không được quan tâm.

Kiểm định Chi - square cho giá trị Sig = $0,023 < 0,05$ với mức ý nghĩa 95% chứng tỏ năng lực tiếp cận thị trường của hộ nghèo và yếu tố dân tộc có mối tương quan. Cụ thể, các hộ tự nhận định năng lực tìm kiếm thị trường còn chưa tốt chiếm tỷ lệ rất cao, hơn 86%. Ngược lại, số hộ có năng lực tốt và rất tốt chiếm tỷ lệ rất khiêm tốn. Thực tế này ảnh hưởng rất nhiều đến năng lực thoát nghèo của dân tộc Dao.

Tỷ lệ người trả lời thừa nhận mong muốn sự giúp đỡ của bạn bè để vươn lên thoát nghèo là đúng và hoàn toàn đúng chiếm gần 30%. Những sự giúp đỡ có thể là giúp đỡ vật chất, công sức lao động, trao đổi kỹ năng kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ đổi ngày công; giống cây trồng, vật nuôi....(Kiểm định Chi - Square cho giá trị Sig

= $0,034 < 0,05$ với mức ý nghĩa 95% chứng tỏ sự hỗ trợ của bạn bè có mối tương quan với năng lực thoát nghèo dân tộc Dao.

Các hộ nghèo người Dao đã cùng nhau chia sẻ thông tin, vận động, tuyên truyền bãi bỏ các quy ước, hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tuy nhiên mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội của hộ nghèo còn thấp, sự hỗ trợ của chính quyền các cấp và chính quyền địa phương mới chủ yếu tập trung vào lĩnh vực như cung cấp thông tin, thiếu hỗ trợ về kỹ thuật. Trong khi đó, nhu cầu của hộ như hướng dẫn kỹ thuật, thông tin tiếp cận thị trường ... lại không được quan tâm.

3.3. Giải pháp huy động nguồn vốn xã hội hỗ trợ người dân tộc Dao thoát nghèo bền vững

Thông qua kết quả nghiên cứu, có thể thấy một số giải pháp nhằm huy động vốn xã hội hỗ trợ người dân tộc Dao thoát nghèo bền vững cần được nghiên cứu gồm:

Tăng cường sự tham gia của cộng đồng: Hỗ trợ thành lập và hoạt động của các nhóm tự lực, hợp tác xã, tổ vay vốn,... để tạo ra mạng lưới hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm giữa các hộ gia đình. Tạo điều kiện cho các hộ gia đình tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội truyền thống để tăng cường sự gắn kết và tình đoàn kết trong cộng đồng. Tạo điều kiện cho phụ nữ và thanh niên tham gia vào các hoạt động xã hội và kinh tế, nâng cao vai trò của họ trong cộng đồng.

Nâng cao năng lực tiếp cận thị trường: Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo về thông tin thị trường, giá cả, kỹ thuật sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,... Hỗ trợ các hộ gia đình xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương, quảng bá sản phẩm trên các kênh truyền thông và tham gia các hội chợ triển lãm. Hỗ trợ các hộ gia đình kết nối với các doanh nghiệp, siêu thị, cửa hàng để tiêu thụ sản phẩm.

Tăng cường hỗ trợ từ chính quyền và các tổ chức: Tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng sản xuất, kinh doanh, quản lý tài chính,... cho các hộ gia đình, tạo điều kiện cho các hộ gia đình tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất. Đầu tư xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, điện, nước,... để tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và kinh doanh.

Đảm bảo công bằng xã hội: Cung cấp các hỗ trợ về vật chất, tài chính, y tế, giáo dục,... cho các hộ gia đình nghèo, hộ có người già, người khuyết tật, phụ nữ đơn thân. Thường xuyên giám sát và đánh giá hiệu quả của các chương trình hỗ trợ để kịp thời điều chỉnh và cải thiện.

Phát huy vai trò của truyền thông: Tăng cường tuyên truyền về vai trò của vốn xã hội trong việc thoát nghèo, khuyến khích các hộ gia đình tham gia vào các hoạt động cộng đồng và hỗ trợ lẫn nhau. Quảng bá các mô hình, điển hình thoát nghèo thành công để tạo động lực và truyền cảm hứng cho các hộ gia đình khác.

Nghiên cứu và đánh giá: Thực hiện các nghiên cứu sâu hơn về vốn xã hội của người Dao ở Thanh Hóa để có cái nhìn toàn diện và chính xác hơn. Đánh giá tác động của các giải pháp đã triển khai để có những điều chỉnh phù hợp và nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ.

Hợp tác liên ngành: Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành liên quan như nông nghiệp, công thương, lao động, thương binh và xã hội,... để tạo ra sự đồng bộ và hiệu quả trong việc hỗ trợ các hộ gia đình dân tộc Dao thoát nghèo bền vững.

Hợp tác quốc tế: Học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác trong việc tăng cường vốn xã hội và hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số thoát nghèo. Kêu gọi sự hỗ trợ và đầu tư từ các tổ chức quốc tế, các dự án phi chính phủ để thực hiện các chương trình giảm nghèo cho người Dao ở Thanh Hóa.

Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, vốn xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy khả năng thoát nghèo bền vững của các hộ gia đình dân tộc Dao ở Thanh Hóa. Các mối quan hệ xã hội, mạng lưới hỗ trợ và sự tin tưởng lẫn nhau trong cộng đồng không chỉ giúp các hộ gia đình tiếp cận thông tin, nguồn lực và cơ hội phát triển kinh tế mà còn tạo động lực và hỗ trợ tinh thần để họ vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy sự tồn tại của những bất bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng vốn xã hội giữa các hộ gia đình, đặc biệt là giữa các hộ nghèo và hộ khá giả.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, có thể đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm tăng cường vốn xã hội và hỗ trợ các hộ gia đình dân tộc Dao thoát nghèo bền vững sau như sau:

Chính quyền địa phương cần tạo điều kiện và hỗ trợ các hoạt động xây dựng cộng đồng nhằm tăng cường sự gắn kết, tin tưởng và hỗ trợ lẫn nhau giữa các hộ gia đình. Các chương trình này có thể bao gồm các hoạt động văn hóa, thể thao, giáo dục và đào tạo kỹ năng.

Các tổ chức xã hội như hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên có vai trò quan trọng trong việc kết nối các hộ gia đình, cung cấp thông tin và hỗ trợ các hoạt động phát triển kinh tế. Chính quyền cần tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức này hoạt động và phát triển.

Các hộ gia đình dân tộc Dao thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin thị trường và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Chính quyền cần xây dựng các cơ chế hỗ trợ như cung cấp thông tin thị trường, đào tạo kỹ năng kinh doanh và kết nối các hộ gia đình với các doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ.

Các chính sách hỗ trợ cần đặc biệt chú trọng đến các hộ gia đình yếu thế như hộ nghèo, hộ có người già, người khuyết tật và phụ nữ đơn thân. Các chương trình hỗ trợ cần được thiết kế

phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng nhóm đối tượng.

Chính quyền cần thường xuyên đánh giá và cải thiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ dựa trên

kết quả thực hiện và phản hồi từ cộng đồng. Việc đánh giá này cần được thực hiện một cách khách quan và minh bạch để đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của các chương trình hỗ trợ.

Tài liệu tham khảo

1. ActionAid Quốc tế tại Việt Nam (AAV) và Oxfam (2013). *Mô hình giảm nghèo tại một số cộng đồng dân tộc thiểu số điển hình ở Việt Nam*. Nghiên cứu trường hợp tại Hà Giang, Nghệ An và Đắk Nông.
2. Chambers, R. and Conway, G.R (1992). Sustainable Rural Livelihoods: Practical Concepts for the 21st Century. *Discussion Paper 296*, Institute of Development Studies.
3. David Lawson, Andrew McKay and John Okid (2008). *Factors Affecting Poverty Dynamics and Persistence in Uganda*.
4. Đậu Quang Vinh, Lê Thị Xuân, Hoàng Phan Hải Yến (2016). Đánh giá thực trạng và giải pháp giảm nghèo bền vững ở các huyện miền tỉnh Nghệ An. *Tạp chí Khoa học-Công nghệ Nghệ An*, số 10, tr. 20-26.
5. Ngân hàng Phát triển Châu Á (2012). *Dự án Phát triển nông thôn tích hợp dành cho các địa bàn vùng dân tộc thiểu số ở khu vực miền Trung, trong đó bao gồm Thanh Hóa và Nghệ An*.
6. Ngân hàng Châu Á (ADB) (2009). *Poverty in the Philippines: causes, constraints and opportunities*.
7. Quốc hội. (2019). *Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*. Hà Nội, Việt Nam.
8. Chính phủ (2019). *Nghị quyết số 12/NQ-CP về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019*. Hà Nội, Việt Nam.
9. Michael Cuddy, Liu Hongmei, Paulos Gute (2008). *Factors influencing poverty levels in rural households in Southwest China*.
10. Lưu Thị Tho và Phạm Bảo Dương (2013). *Sự tham gia của cộng đồng các dân tộc trong các hoạt động giảm nghèo ở một số địa phương miền núi phía bắc*. tạp chí Khoa học và Phát triển. Tập 11, số 2: 249-259.
11. Oxfam và ActionAid Quốc tế tại Việt Nam (2013). *Mô hình giảm nghèo tại một số cộng đồng dân tộc thiểu số điển hình ở Việt Nam*
12. World Bank (2013). *World Bank report on Poverty*. New York. Oxford University Press

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Thị Duyên, TS.

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Hồng Đức

- Địa chỉ email:nguyenthiduyen@hdu.edu.vn

Ngày nhận bài: 19/4/2024

Ngày nhận bản sửa: 25/6/2024

Ngày duyệt đăng: 19/7/2024